



CON NGƯỜI VÀ CÁI CHẾT CỦA TƯỚNG LÊ VĂN HUNG

Qua Ghi Chép Của Một Tình Báo Mỹ

Không chê người đáng khen

Không khen người đáng chê

James E Parker Jr., tác giả cuốn sách “Last Man Out – A Personal Account of the Vietnam War”, "là một giới chức tình báo của CIA rời khỏi Việt Nam cuối cùng vào ngày 1 tháng 5 (1975) sau mười năm phục vụ, giai đoạn đầu với vai trò một quân nhân, và giai đoạn sau trong ngành tình báo Hoa Kỳ. Trong cuộc chiến tranh Việt Nam, tác giả tự hào là “I was among the first men in and I was the last man out” và cuốn sách trên được Đô Đốc Elmo Zumwalt, vị Tư Lệnh Hải Quân Hoa Kỳ trẻ tuổi nhất trong lịch sử hiện đại, đánh giá là “sống động và thuyết phục.... Một bổ sung quan trọng cho nền văn học kỷ nguyên Việt Nam.” Được biết thêm, Đô Đốc Elmo Zumwalt trong thời kỳ cuộc chiến Việt Nam leo thang là chỉ huy trưởng Chiến Dịch SEALORDS (Southeast Asia Lake Ocean River and Delta Strategy) phát xuất từ Căn Cứ Năm Căn (Cà Mau). Và qua thời “Việt Nam hóa Chiến tranh, "ông đề xuất và thi hành kế hoạch ACTO (Accelerate Turnover to the Vietnam) nhằm chuyển giao và trang bị quân cụ hải quân nhanh chóng cho Việt Nam (Theo “Tự Điền Chiến Tranh Việt Nam” của Nguyễn Kỳ Phong).

Đặc biệt trong “Last Man Out” rải rác trong nhiều chương, tác giả đề cập, qua ghi chép và nhận xét, đến nhiều nhân vật quân sự tên tuổi mà ông có nhiều cơ hội và thời gian làm việc chung, như Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai, Hồ Ngọc Cẩn. Tác giả mô tả tướng Nguyễn Khoa Nam điềm đạm, làm việc mẫn cán, chu toàn trọng trách tướng chỉ huy.... Tướng Trần Văn Hai thâm trầm, khép kín, hút thuốc nhiều, và có vẻ ít nhiều định kiến với các cố vấn, giới chức Mỹ. Nhưng vị tướng này có tài quân sự, đã cho tác giả biết trước vào ngày 22 tháng 4 là Sài Gòn đã bị Cộng Sản bao vây rồi sẽ “mất trong 7 ngày” sau đó, căn cứ theo sự thâm định và ước đoán tình hình quân sự và những biến chuyển chính trị rất xấu cho miền Nam vào lúc bấy giờ. Tướng Hai nghiêm mật, nâng cao ly cà phê được đặt trong chiếc bình giữ ấm, mời tác giả cùng ly để cầu nguyện cho những chiến sĩ đã hy sinh và chúc lành cho nhau.... Tác giả dành cho Đại Tá Hồ

Ngọc Cẩn (trong sách in là Canh, có lẽ tác giả quên cách viết chữ Cẩn) sự cảm mến nồng hậu. Trước khi làm tỉnh trưởng Chương Thiện, Đại Tá Cẩn đã nổi tiếng với những chiến công, nhất là những trận đánh giải vây cho An Lộc, và một phần bên mặt bị thương, dù đã giải phẫu chỉnh hình vẫn còn để lại vết sẹo dài dọc theo hàm. Tác giả nhận xét Đại Tá Cẩn là “lính của lính, can trường và thanh liêm” (he was a soldier’s soldier, brave and incorruptible).

Riêng Tướng Lê Văn Hưng, tác giả James E. Parker, Jr. ghi lại nhiều chi tiết hơn.



Trong suốt thời gian về làm việc tại vùng châu thổ Cửu Long (Vùng 4), chủ yếu tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận, tác giả do vai trò “case officer” trong ngành CIA nên luôn có dịp gặp Tướng Hưng. Ngày đầu tiên diện kiến ông Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh, tác giả “hơi lầy làm lạ” về cách đánh giặc và điều quân của Tướng Hưng là “thủ nhiều hơn công” khi đôi bên trao đổi và thảo luận, về kế hoạch quân sự trong vùng. “Tại sao lại đánh một trận chiến đang thua?” tác giả thắc mắc thì tướng Hưng cười và hỏi lại: “Tôi còn có những lựa chọn gì nữa đâu?” rồi chậm rãi nói tiếp – “Đây là đất nước của tôi.”

Sau nhiều tháng liên tục làm việc để lập mạng lưới tình báo tại vùng châu thổ, tác giả ghi nhận tướng Hưng dành rất nhiều thời giờ cho việc trận mạc: Sáng sớm thường đáp trực thăng đi thị sát và trao đổi với các đơn vị trưởng địa phương. Trở về họp tổng kết tại Bộ Chỉ Huy Sư Đoàn và thỉnh thoảng họp khẩn về đêm. Càng về sau tác giả mới hiểu ra thêm tổng quan (outlook) của một ông tướng Việt Nam trong cuộc chiến giữa những người Việt Nam ngay trên quê hương của mình. Tướng Hưng tin rằng sự chiến đấu thực sự cho vùng châu thổ đang diễn tiến ở những nơi khác, có thể trong các cuộc họp hành ở Sài Gòn. Và lại, là một người theo đạo Phật, ông tin vào định mệnh, những gì xảy ra với những hậu quả gì đem đến đều là sự an bài, xếp đặt trong vạn vật cả.

Tuy nhiên, tháng 2 năm 1975, theo đòi hỏi của cấp trên từ Cần Thơ và Sài Gòn, Tướng Hưng đã phát lệnh tấn công một lực lượng quân sự trọng yếu của Cộng Sản tại mạn đông của tỉnh Chương Thiện, nằm trong một mật khu lâu đời thuộc rừng U Minh – Theo tác giả, đây là chiến dịch động binh lớn nhất và khổ cực nhất của Tướng Hưng với những điều kiện khó khăn và phương tiện hạn hẹp. Chỉ còn cách tấn công địch theo lối “liệu cơm mà gắp mắm” thiếu hụt đủ thứ: phi vụ không quân hạn chế nên không vận chuyển kịp thời các quân cụ, khí giới nặng, điều động nhanh các đơn vị chiến đấu tấn kích thần tốc. Quân đội Hoa Kỳ tuy để lại nhiều súng đại bác nhưng thiếu đạn, còn nhiều mìn claymore nhưng không có đủ bộ phận khởi động (activators), còn nhiều loại đạn dược, nhưng ngòi nổ đã tịt! Tuy vậy nhờ sự chỉ huy tài giỏi, sự can trường và thiện chiến của quân lực Việt Nam Cộng Hòa, lực lượng cộng sản Bắc Việt đã bị đẩy lùi sâu vào rừng U Minh khi kết thúc chiến dịch. Trận đánh lớn như vậy hẳn nhiên chiến trường tàn cuộc

phải tang tóc, sự chết chóc và thương tật cả đôi bên phải nhiều. Tác giả ngậm ngùi ghi chép tâm trạng Tướng Hưng trong hoàn cảnh tàn cuộc chiến đó: General Hung was not sure if he had, in fact, secured the net advantage. He had used much of his limited resources. For what? He suffered extensive casualties. Tướng Hưng không biết chắc là trong thực tế mình có thắng lợi thực sự hay không. Ông ta gần như đã xả lảng những gì còn có trong tay. Để cho gì đây? Ông đã chịu đựng bao thứ tai ương.

Trong con người võ tướng còn có một văn nhân. Tác giả đã sống với Tướng Hưng những buổi chiều đằm thắm: hỏi thăm chuyện gia đình, bàn chuyện nước Mỹ, chuyện thời sự, thảo luận văn chương. Kiến thức ông tướng uyên bác, nhiều nhà văn và tác phẩm văn chương Mỹ ông đề cập phần tác giả còn chưa đọc tới dù rằng là “một sách” đọc không dưới hai ba cuốn sách mỗi tuần. Còn Tướng Hưng ưa kể chuyện lịch sử Việt Nam và Chiến tranh Đông Dương. Ông ăn nói cân nhắc, từ tốn, luôn tươi cười, ngay cả những khi tranh luận các vấn đề quan trọng. Tướng Hưng có được những nét tự tin đặc biệt và quanh người ông như toát ra vẻ thanh thản, trầm tĩnh. Tánh tình khả ái, rất dễ gây được cảm tình của mọi người từ ông tướng đã thu phục “con tim” của một điệp viên Mỹ, tạo thành tình bạn thân thiết giữa hai người.

Và tác giả đã dành riêng phần lời bạt (Epilogue) để kể lại cái chết bi tráng, thương cảm của tướng Lê Văn Hưng. Dưới đây là phần dịch của Lời Bạt.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, đúng lúc 7 giờ tối, Tướng Hưng, Cựu Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và cũng là người bạn của tôi, đã nhắn gọi vợ ông đến văn phòng làm việc tại Cần Thơ. Tướng Hưng cho vợ biết là có mười người dân địa phương đến thỉnh cầu ông đừng chống trả với lực lượng Việt Cộng đang tiến quân vô thành phố. Họ nói bọn Cộng Sản sẽ phá kích nát Cần Thơ thành đống gạch vụn và gây thương vong cho nhiều dân lành. Tướng Hưng nói với vợ rằng ông hiểu rõ chuyện đó và đồng ý sẽ không để thành phố Cần Thơ biến thành một bãi chiến trường tuyệt vọng. Ông cũng cho biết kế hoạch khẩn cấp rút lui cùng một số thuộc hạ vào một mật khu xa xôi vùng châu thổ đã hẹn trước, nơi sự sống khó tồn tại. Đầu hàng giặc không phải là một giải pháp lựa chọn.

Tướng Hưng cũng không hề nghĩ tới việc diện kiến và thảo luận với một quan chức Việt Cộng trách nhiệm trong vùng, Thượng Tá Hoàng Văn Thạch, để bàn giao vùng Châu thổ Nam Bộ cho Cộng Sản. Ông không bỏ nước để thoát thân. Ông có một trách nhiệm với những quân nhân đã dành mạng sống của họ ở lại vị trí trấn thủ. Ông đã ở lại bằng một lựa chọn vinh dự. Ông phải tự quyết định sinh mạng của mình.

Vợ của Tướng Hưng bật khóc và năn nỉ ông hãy suy tính lại. “Tại sao mình không thể bỏ ra ngoài quốc gióng như những người khác?,” bà hỏi chồng.

Tướng Hưng lập lại lần nữa với vợ về trách nhiệm riêng đối với xứ sở và binh lính. Ông ôn tồn và chậm rãi nói tiếp: “Mình đừng để anh bị mất lòng kiên định. Giờ đây cứ đánh tiếp cũng chỉ đem lại rắc rối và mất mát không những cho gia đình và bà con mình, mà còn cho binh lính và dân lành nữa. Và anh không muốn thấy mặt thằng Cộng Sản nào hết.”

Rồi Tướng Hưng đứng dậy, ôm vợ vào lòng, và rút nước mắt. Sau cùng, ông nói cùng vợ: “Lẹ lên đi mình, tới mời Má và dẫn các con vô đây gặp anh.” Khi người Má vợ và các con bước vô văn phòng làm việc của ông rồi, Tướng Hưng nói lời chia tay và cúi xuống hôn từng đứa con. Bên ngoài văn phòng, nhiều sĩ quan và binh lính thuộc cấp lần lượt kéo tới, đứng sắp hàng ngoài sân, chờ đợi lệnh.

Tướng Hưng tuyên bố việc chiến đấu đã chấm dứt. Ông nói, nước đã mất là do lãnh đạo kém tại Sài Gòn, và xin thuộc cấp tha thứ lỗi cho ông, nếu như cá nhân ông đã có những lỗi lầm nào đó. Bầu không khí xung quanh nặng nề. “Tôi xin chấp nhận cái chết. Vĩnh biệt các anh em,” Tướng Hưng dứt câu. Tướng Hưng đưa tay lên chào và đưa tay bắt từng người một. Ông yêu cầu mọi người ra về. Một vài quân nhân vẫn đứng tại chỗ không chịu lui bước, nên tướng Hưng buộc lòng phải bước tới đẩy và giục họ về. Rồi ông bảo vợ đừng có nài nỉ thêm điều gì nữa và chỉ một mình bước vô văn phòng làm việc. Chỉ trong khoảnh khắc sau đó vang lên một tiếng súng nổ. Tướng Hưng đã tự sát bằng súng. (Hết trích)

Sau phần Lời Bạt, và xếp cuối trang sách “Last Man Out” James E. Parker Jr. đã chọn bài thơ của một chiến binh Mỹ ẩn danh (Làm tại Cao Nguyên Trung Phần Việt Nam, khoảng năm 1969). Từ và ý bài thơ hoa mỹ, lãng mạn, và phảng phất siêu thoát, nhưng dứt bằng một câu thơ đầy hào khí tang bồng hồ thi như khí tiết của những chiến sĩ, hiệp khách Đông Phương:

*Do not stand by my grave and weep:
I am not there. I do not sleep....
I am a thousand winds that blow
I am the diamond's glint on snow
I am the sunlight on ripened grain
I am the gentle autumn's rain
When you awake in the morning's hush
I am the swift uplifting rush
Of quiet birds in circle flight
Do not stand by my grave and cry:
I am not there. I did not die.*

Tạm dịch nghĩa:

*Đừng đứng bên mộ anh và nhỏ lệ:
Anh không ở trong mộ này. Anh không ngủ đâu em.
Anh là ngàn ngọn gió thổi khắp phương trời
Anh là kim cương lấp lánh trên tuyết lạnh
Anh là ánh nắng nhuộm vàng hạt lúa chín
Anh là giọt mưa của trời thu êm ả
Khi em thức giấc lúc ban mai thanh lặng
Anh là lực xua đàn chim vút bay cao
Những cánh chim lượn lẽ lượn những đường vòng
Đừng đứng bên mộ anh và khóc lóc:
Anh không ở trong mộ này. Anh không chết đâu em.*

Bài thơ không tựa và tác giả ẩn danh trên, tác giả James E. Parker Jr. xếp liền ngay sau phần mô tả cái chết của Tướng Hưng để xem như vòng hoa tang cho một ông tướng cốt cách hào hoa. Bởi vì trong đời thường và trong quân ngũ, tướng Hưng vẫn không giấu được ngay cả dưới lớp quân phục những nét nho nhã và dáng hào hoa của một người đàn ông. Nhiều người nhận xét, Tướng Lê Văn Hưng “có tướng quan văn hơn là võ tướng,” chẳng qua ông quan văn này phải khoác chiến y, áo giáp đỡ đạn trong thời chiến và trên chiến trường mà thôi! Tướng Hưng cũng có tiếng là “người chịu chơi,” nhất là thời còn trai trẻ, sĩ quan còn mang lon cấp úy, cấp tá, nhiều phen “quậy tới bến” sau chiến trận được về lại hậu cứ nghỉ ngơi. Ôi, đó là những năm anh còn trẻ của một người trai thời ly loạn sống nay chết mai. Thiết nghĩ không ai quá khắt khe đối với ông tướng.

Nhưng rồi ông tướng không mấy năm sau đó cũng có cơ hội, gặp thời thế để trả nợ chí trai và làm đẹp non sông: Khí tiết Lê Văn Hưng đã thăng hoa giữa chiến trường Bình Long và hoa anh hùng Lê Văn Hưng đã nở đẹp tại phòng tuyến An Lộc. Và rồi hấp hối theo vận nước, phút cuối Lê Tướng Quân đã chọn cái chết bi hùng để trở thành bất tử trong lịch sử và quân sử Việt Nam.

Với dụng ý vinh danh và tưởng niệm tướng Lê Văn Hưng, nơi trang cuối của tác phẩm “Last Man Out,” tác giả James E Parker, Jr. chính vì vậy đã xếp bài thơ không tựa, không tên tác giả với câu thơ chấm dứt:

I am not there. I did not die.

Và sau chót, một câu lập ngôn được xem như quân huấn của danh tướng Douglas MacArthur: “**Duty, Honor, Country.**”

<http://www.viettribune.com/vt/index.php?id=4746>

Do not stand at my grave and weep is a poem written in 1932 by Mary Elizabeth Frye

*Do not stand at my grave and weep,
I am not there; I do not sleep.
I am a thousand winds that blow,
I am the diamond glints on snow,
I am the sun on ripened grain,
I am the gentle autumn rain.
When you awaken in the morning's hush
I am the swift uplifting rush
Of quiet birds in circling flight.
I am the soft starlight at night.
Do not stand at my grave and cry,
I am not there; I did not die.*

Nguồn: Internet E-mail by Quỳnh Lan chuyển

*Đăng ngày Thứ Sáu, SEPTEMBER 2nd, 2011
Ban Kỹ Thuật K10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*